HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRƯỚC KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH

TS. Nguyễn Huy Oanh*

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam bước vào giai đoạn mới, chuyển từ tiếp nhận sang đóng góp, từ hội nhập sâu rộng sang hội nhập đầy đủ. Với tâm thế quốc gia vươn lên, Việt Nam định vị hội nhập là động lực quan trọng để hiện thực hóa khát vọng hùng cường, phát triển bền vững trong "kỷ nguyên vươn mình" tới năm 2045. Bài viết khái quát tình hình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trước bối cảnh kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, từ đó đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

• Từ khóa: *hội nhập kinh tế, hội nhập quốc tế, kỷ nguyên vươn minh.*

Vietnam's international economic integration is entering a new phase, shifting from receiving to contributing, from deep integration to full integration. With a national aspiration for progress, Vietnam positions integration as a crucial driving force to realize its aspirations for strength and sustainable development in the "era of self-improvement" leading up to 2045. This article provides an overview of Vietnam's international economic integration in the context of this national period of self-improvement, and proposes solutions to promote and enhance the effectiveness of Vietnam's international economic integration.

• Key words: *economic integration, international integration, era of self-improvement.*

Ngày nhận bài: 03/3/2026
Ngày gửi phản biện: 21/4/2026
Ngày duyệt đăng: 15/5/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i313.02

Đặt vấn đề

Hội nhập kinh tế quốc tế là chủ trương nhất quán của Đảng và không ngừng được hoàn thiện, mở rộng cả về phạm vi, cấp độ qua mỗi kỳ Đại hội và được triển khai tích cực, phù hợp với sự phát triển của đất nước và bối cảnh thế giới. Có thể thấy, dưới sự lãnh đạo sát sao của Đảng ta đối với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong những năm qua, Việt Nam đã hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế, thị trường toàn cầu, là quốc gia nằm trong nhóm 30 nước, vùng lãnh thổ có giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa lớn nhất trên phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, trước bối cảnh phát triển mới, đặc biệt là trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, nước ta cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp về hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời nắm bắt xu thế phát triển của thế giới để tận dụng cơ hội, hạn chế thách thức nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước các trong giai đoạn tiếp theo.

Chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng trong những năm qua

Hội nhập kinh tế quốc tế là chủ trương nhất quán của Đảng và không ngừng được hoàn thiện, mở rộng cả về phạm vi, cấp độ qua mỗi kỳ Đại hội và được triển khai tích cực, phù hợp với sự phát triển của đất nước và bối cảnh thế giới. Chủ trương này được thể hiện qua các văn bản chủ yếu như: Ngày 10/4/2013, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế". Nghị quyết xác định trong quá trình hội nhập quốc tế, "hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế". Năm 2016, Đại hội XII của Đảng bổ sung phương hướng hội nhập kinh tế quốc tế nhằm đáp ứng tình hình mới, đó là: "Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, xây dựng và triển khai chiến lược tham gia các khu vực mậu dịch tự do với các đối tác kinh tế thương mại quan trọng, ký kết và thực hiện hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong một kế hoạch tổng thể với lộ trình hợp lý, phù hợp với lợi ích của đất nước".

Đại hội XI của Đảng xác định "xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường, khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực về vốn, khoa học - công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến". Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh cần "đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế". Để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới khi Việt Nam tham gia các FTA thế hệ mới, Hội nghị lần thứ

** Trường Đại học Trưng Vương*

tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 5/11/2016 về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới". Nghị quyết xác định mục tiêu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam là: "Thực hiện tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội nhằm tăng cường khả năng tự chủ của nền kinh tế, mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế"(8).

Đến Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng đề ra chủ trương hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả, thể hiện rõ bước phát triển mới trong tư duy và tầm nhìn chiến lược của Đảng đối với công tác đối ngoại và hội nhập trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Nghị quyết khẳng định hội nhập quốc tế, trong đó có hội nhập kinh tế quốc tế, là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên và lâu dài, gắn chặt với mục tiêu bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc và phục vụ phát triển nhanh, bền vững đất nước. Đáng chú ý, Văn kiện Đại hội XIV dự kiến đưa đối ngoại, hội nhập quốc tế lên vị trí tương xứng với quốc phòng và an ninh, qua đó cho thấy yêu cầu đặt ra đối với công tác hội nhập không chỉ là mở rộng quan hệ kinh tế, mà còn phải chủ động tham gia định hình luật chơi, nâng cao vị thế và uy tín quốc gia trong các khuôn khổ kinh tế khu vực và toàn cầu. Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế phải đi đôi với phát triển nội lực, nâng cao năng lực tự chủ, tự cường của nền kinh tế, đặt ra nhiệm vụ cho công tác hội nhập là không chỉ tập trung vào việc đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do mới, mà quan trọng hơn là nâng cao hiệu quả thực thi các cam kết đã ký kết, tận dụng tốt các FTA để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước. Nghị quyết đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, qua đó đòi hỏi nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và hiệu quả phối hợp liên ngành trong hội nhập kinh tế quốc tế. Trong bối cảnh phạm vi cam kết ngày càng rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực mới như kinh tế số, kinh tế xanh, phát triển bền vững, lao động và môi trường, công tác điều phối liên ngành cần được tăng cường hơn nữa để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong quá trình triển khai từ Trung ương đến địa phương.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động nhanh, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, xu hướng chuyển đổi số và chuyển đổi xanh định hình lại trật tự kinh tế toàn cầu hiện nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam tiếp tục xác định hội nhập kinh tế quốc tế là một định hướng chiến lược nhất quán, lâu dài và là động lực then chốt thúc đẩy phát triển đất nước. Ngày 24/1/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Nghị quyết số 59-NQ/TW đánh dấu bước ngoặt chiến lược trong đường lối hội nhập quốc tế của Việt Nam, xác định hội nhập là động lực chiến lược trong kỷ nguyên mới, gắn liền với phát triển nội lực, củng cố vị thế quốc gia và chủ động tham gia định hình "luật chơi toàn cầu".

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam gắn với các dấu mốc cải cách thể chế, mở cửa thương mại, ký kết các FTA và tham gia các định chế kinh tế quốc tế. Quá trình hội nhập này được đẩy mạnh qua 3 giai đoạn lớn:

- Giai đoạn 1986-1995: Khởi động hội nhập. Sau năm 1986, Việt Nam bắt đầu đổi mới kinh tế và mở cửa ban đầu, theo đó thực hiện cải cách kinh tế theo hướng thị trường, trong đó mở cửa thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài là yếu tố then chốt. Việc ban hành Luật Đầu tư nước ngoài (1987) và nới lỏng các rào cản thương mại đã đặt nền móng cho hội nhập. FDI giai đoạn này chủ yếu từ các nước trong khu vực như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, tập trung vào may mặc, lắp ráp và bất động sản. Dù quy mô chưa lớn, đây là nền tảng giúp Việt Nam tiếp cận công nghệ và quản trị hiện đại.

- Giai đoạn 1995-2007: Hội nhập mở rộng. Đây là thời kỳ mang tính bước ngoặt khi Việt Nam thực hiện chiến lược "đa dạng hóa, đa phương hóa", chủ động hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Trong giai đoạn này Việt Nam đã gia nhập ASEAN (1995), tham gia AFTA (1996), ký Hiệp định Thương mại song phương Việt - Mỹ (BTA, 2000), gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) (2007) - bước ngoặt để Việt Nam tham gia vào hệ thống thương mại toàn cầu và tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất của châu Á, đặc biệt trong các ngành điện tử, dệt may và da giày.

- Giai đoạn 2007-2025: Đẩy mạnh hội nhập sâu rộng. Sau khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam chuyển sang mức độ hội nhập sâu rộng thông qua việc ký kết và thực thi các FTA có tiêu chuẩn cao. Đến 2025, Việt Nam đã tham gia 17 FTA, trong đó nổi bật là các FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA,

UKFTA, RCEP). Các FTA này không chỉ góp phần mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ và thúc đẩy xuất nhập khẩu, mà còn giúp Việt Nam cải cách thể chế sâu rộng hơn trong các lĩnh vực như cạnh tranh, logistics, môi trường, và năng lực thực thi pháp luật thương mại.

Một số kết quả đạt được về hội nhập kinh tế quốc tế

Một là, ký kết và thực hiện các cam kết kinh tế quốc tế, củng cố vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế: Trong 3 thập kỷ qua, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã tăng tốc rõ rệt, với các hiệp định thương mại tự do (FTA) đóng vai trò trung tâm. Theo số liệu từ Bộ Công Thương, tính đến năm 2025, Việt Nam đã ký kết hoặc đang đàm phán 19 FTA, bao gồm 3 FTA thế hệ mới mang tính bước ngoặt (NG-FTA) (Trang Mai, 2025). Một số hiệp định thương mại song phương của Việt Nam với các quốc gia trên thế giới được ký kết, như: Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA, năm 2009), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Chile (VCFTA, năm 2011), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA, năm 2015), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU, năm 2016). Có thể thấy, việc ký kết các FTA chứng tỏ vai trò của Việt Nam trong việc thúc đẩy thương mại tự do và hội nhập kinh tế, thương mại ở cả châu Á, châu Mỹ và châu Đại Dương.

Vị thế của Việt Nam trên thế giới đã được củng cố toàn diện trong những năm qua. Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, năm 2025, Việt Nam có quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với 30 nước; có quan hệ ngoại giao với 193 nước, có quan hệ kinh tế với 160 nước và 70 vùng lãnh thổ. Đến năm 2025, tổng số quan hệ kinh tế - thương mại của Việt Nam đã nâng lên thành 230 nước và vùng lãnh thổ (Hoàng Sơn, 2025). Với việc thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế toàn diện với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, vị thế của đất nước tiếp tục được cải thiện đáng kể. Có thể khẳng định, hội nhập kinh tế quốc tế đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các đối tác đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Hai là, quy mô xuất nhập khẩu hàng hóa tăng trưởng ngoạn mục: Theo Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 1995 từ mức khiêm tốn 13,4 tỷ USD đã tăng lên gần 800 tỷ USD vào cuối năm 2024, dự kiến sẽ cán mốc 920 tỷ USD vào cuối năm 2025. Năm 1995, thời điểm Việt Nam gia nhập ASEAN, quy mô xuất nhập khẩu nước ta chỉ khiêm tốn 13,4 tỷ USD, đã tăng lên con số 786,9 tỷ USD vào cuối năm 2024 (tương đương tăng 58,7 lần trong 29 năm). Đến năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu ước đạt 920 tỷ USD - kỷ lục chưa từng có trong lịch sử hội nhập kinh tế quốc tế. Đặc biệt, từ năm 2016 đến nay, liên tục trong vòng 10 năm, Việt Nam duy trì trạng thái xuất siêu, với kỷ lục 28 tỷ USD vào năm 2023. Xuất siêu gia tăng liên tục là bởi kim ngạch xuất khẩu có sự bứt tốc mạnh mẽ hơn nhập khẩu sau từng năm. Theo đó, nếu như năm 2008, xuất khẩu mới đạt trên 50 tỷ USD, năm 2012 trên 100 tỷ USD, năm 2017 trên 200 tỷ USD, năm 2021 trên 300 tỷ USD, năm 2024 trên 400 tỷ USD và năm 2025 đạt trên 470,59 tỷ USD (Hải Yến, 2025).

Ba là, thu hút FDI liên tục ở mức cao. Từ năm 2019, Việt Nam nằm trong nhóm 20 nền kinh tế thu hút nhiều vốn FDI nhất thế giới. Năm 2024, giải ngân FDI đạt mức kỷ lục 25,35 tỷ USD. Lũy kế đến hết năm 2024, Việt Nam có hơn 42.000 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn FDI đăng ký khoảng 502,8 tỷ USD, vốn thực hiện lũy kế của các dự án FDI đạt 322,5 tỷ USD, trong đó phần lớn đầu tư vào công nghiệp chế biến - chế tạo (Tổng cục Thống kê, 2025). Theo số liệu vừa được Cục Thống kê (Bộ Tài chính), tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2025 đạt 38,42 tỷ USD, tăng 0,5% so với năm trước. Đáng chú ý, số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện cả năm ước đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9% so với cùng kỳ và xác lập mức cao nhất trong giai đoạn 2021-2025.

Một số vấn đề đặt ra

Trải qua gần 40 năm hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, song bên cạnh đó Việt Nam cũng đang phải đối diện với một số hạn chế, khó khăn:

- Giá trị gia tăng thấp. Sau hơn ba thập kỷ hội nhập sâu rộng, Việt Nam đã trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, với kim ngạch xuất nhập khẩu tương đương gần 200% GDP và sự hiện diện của hàng loạt tập đoàn đa quốc gia trong các ngành công nghiệp chủ lực như điện tử, dệt may, da giày… Tuy nhiên, đằng sau bức tranh tăng trưởng ấn tượng về quy mô là một nghịch lý kéo dài: Phần lớn DN Việt vẫn chủ yếu tham gia ở các công đoạn có giá trị gia tăng thấp, tập trung vào lắp ráp, gia công - tức "đáy" của đường cong giá trị trong chuỗi giá trị toàn cầu. Theo thống kê của Bộ Công Thương, trên 6.000 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam đang mới chỉ đáp ứng được khoảng 10% nhu cầu linh kiện, phụ tùng cho sản xuất trong nước. Nếu chỉ tính riêng các doanh nghiệp Việt Nam, tỷ lệ nội địa hóa chỉ đạt khoảng 15,7%. Tỷ lệ nội địa hóa

của nhiều ngành công nghiệp chủ lực vẫn ở mức thấp, như dệt may - da giày đạt khoảng 45-50%, cơ khí chế tạo 15-20%, lắp ráp ô tô từ 5-20%, chưa đạt mục tiêu 40% nội địa hóa (Đỗ Kiều, 2025). Nguyên nhân cốt lõi nằm ở những hạn chế nội tại của DN, đặc biệt là về quy mô và năng lực tài chính. Phần lớn DN là nhỏ và vừa, vốn mỏng, trong khi đầu tư cho đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển (R&D) hay xây dựng thương hiệu đòi hỏi nguồn lực lớn và thời gian dài. Điều này khiến nhiều DN e ngại rủi ro, lựa chọn gia công như một giải pháp "an toàn" để duy trì dòng tiền ngắn hạn, thay vì mạo hiểm đầu tư cho các khâu tạo giá trị cao hơn. Bên cạnh đó, tư duy sản xuất và mô hình phát triển chậm thay đổi cũng là rào cản không nhỏ. Không ít DN vẫn quen với cách làm "theo đơn đặt hàng", phụ thuộc vào đối tác nước ngoài từ mẫu mã, tiêu chuẩn kỹ thuật đến thị trường tiêu thụ. Tư duy ngắn hạn, chú trọng doanh thu trước mắt hơn là chiến lược dài hạn, khiến DN ít đầu tư cho sáng tạo, thiết kế sản phẩm và phát triển thương hiệu - những yếu tố then chốt để thoát khỏi vai trò gia công.

- Xuất khẩu phần lớn thuộc khu vực FDI. Khu vực FDI chiếm trên 15% GDP, khoảng 70% kim ngạch xuất khẩu và 50% giá trị sản xuất công nghiệp, nhiều ngành xuất khẩu chủ lực (điện tử, điện thoại, dệt may) phụ thuộc mạnh vào các tập đoàn đa quốc gia (Đức Việt, 2025). Đồng thời một tỷ trọng lớn xuất khẩu của Việt Nam đi vào một vài thị trường lớn, đặc biệt là Mỹ. Năm 2024, Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ đạt hơn 142 tỷ USD, chiếm khoảng 30% tổng kim ngạch xuất khẩu. Điều này cho thấy, xuất khẩu của Việt Nam đang phụ thuộc nhiều vào bên ngoài. Do đó, xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế Việt Nam dễ bị tổn thương trước các cú sốc bên ngoài hay sự thay đổi chính sách thương mại của các đối tác, đặc biệt trong bối cảnh rủi ro địa - chính trị ngày càng gia tăng, căng thẳng Mỹ - Trung ngày càng leo thang.

- Năng lực đổi mới sáng tạo còn hạn chế. Chỉ số ĐMST toàn cầu (GII) 2025 của WIPO cũng cho thấy, trình độ phát triển của doanh nghiệp Việt Nam còn khá hạn chế. Theo đó, trụ cột Trình độ phát triển của doanh nghiệp năm 2024 xếp thứ 46, nhưng đến năm 2025 mới chỉ tăng lên được 1 bậc, xếp thứ 45. Điều này phản ánh tiềm lực của doanh nghiệp Việt Nam còn hạn chế, nên việc đầu tư cho đổi mới công nghệ, ĐMST còn gặp nhiều khó khăn, rào cản. Bên cạnh đó, chi cho R&D của Việt Nam đứng ở vị trí 66, giảm 3 bậc so với năm 2024, chỉ đạt gần 0,42% GDP, thấp hơn nhiều so với các quốc gia tốp đầu ASEAN và còn khoảng cách rất xa so với các nước phát triển.

- Nhân lực chất lượng cao còn hạn chế. Theo Cục Thống kê, năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ mới đạt 28,8%. Mặc dù tốc độ tăng năng suất lao động tăng, nhưng mức độ tuyệt đối của năng suất lao động Việt Nam so với các nền kinh tế trong khu vực vẫn còn thấp chỉ bằng 11,4% của Singapore, 24,7% của Hàn Quốc, 35,4% của Malaysia và 64,8% của Thái Lan, khiến lợi thế chi phí có xu hướng giảm.

- Chi phí logistics còn cao. Hiện chi phí logistics ở mức 16-18% GDP, trong khi bình quân thế giới chỉ 10,7%. So với các nước ASEAN, chi phí này cao hơn nhiều: Singapore 8,5%, Malaysia 13%, Indonesia 13%... Nguyên nhân là do, hạ tầng logistics chưa đồng bộ. Hệ thống cảng nước sâu, cao tốc, kho bãi tuy phát triển nhanh nhưng thiếu kết nối liên hoàn, hiệu quả giữa đường bộ, đường sắt, cảng biển và đường thủy nội địa. Hàng hóa phải qua nhiều chặng vận chuyển, làm chi phí trung gian tăng cao. Việt Nam cũng chưa có trung tâm logistics quy mô quốc gia, quốc tế tại các vùng kinh tế trọng điểm để phân phối hàng hóa tối ưu. Ngoài ra, khoảng 70-80% hàng hóa nội địa vẫn vận chuyển bằng đường bộ - vốn có chi phí cao gấp 2-3 lần so với đường thủy hoặc đường sắt, lại thường xuyên ùn tắc, khiến thời gian vận chuyển kéo dài và chi phí tăng thêm (Tuấn Minh, 2025).

- Việc tuân thủ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới tại Việt Nam vẫn còn hạn chế. Theo đó, các hạn chế chính trong tuân thủ FTA thế hệ mới, đó là: Tiêu chuẩn kỹ thuật cao (TBT/SPS): Các FTA thế hệ mới như EVFTA hay CPTPP đặt ra yêu cầu khắt khe về chất lượng, an toàn thực phẩm, lao động và môi trường, vượt quá năng lực hiện tại của nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quy tắc xuất xứ: Khó khăn trong việc đáp ứng tỷ lệ nội địa hóa cao hoặc quy tắc "từ sợi trở đi" (đối với dệt may), khiến doanh nghiệp không được hưởng thuế suất ưu đãi; Năng lực cạnh tranh: Khả năng đáp ứng các quy định về phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội và sở hữu trí tuệ còn yếu; Hệ thống pháp luật: Dù đang được hoàn thiện, hệ thống pháp luật trong nước đôi khi chưa tương thích kịp thời với các cam kết sâu rộng của các FTA mới. Nguyên nhân của những hạn chế là do, doanh nghiệp thiếu thông tin, tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe (vệ sinh dịch tễ, môi trường, lao động) và khó khăn trong việc đáp ứng quy tắc xuất xứ. Tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan chưa cao, đặc biệt ở các thị trường khó tính, khiến cơ hội bứt phá chưa tối đa. Ngoài ra, việc tuân thủ có thể tạo chi phí lớn, đặc biệt cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Một số giải pháp

Nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, theo tác giả, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, bảo đảm đồng bộ giữa đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy mạnh việc đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách; chủ động xử lý các vấn đề nảy sinh; giám sát chặt chẽ và quản lý hiệu quả quá trình thực hiện cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, nhất là trong những lĩnh vực, vấn đề liên quan đến ổn định chính trị - xã hội.

Thứ hai, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, thúc đẩy kinh tế số và kinh tế xanh. Việt Nam cần đầu tư mạnh vào hạ tầng số, dữ liệu mở, thanh toán số và logistics thông minh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Việc khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi số, áp dụng công nghệ cao, phát triển sản phẩm xanh - sạch theo chuẩn quốc tế sẽ tạo nền tảng để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Cùng với đó, cần gắn hội nhập với các cam kết về phát thải ròng bằng "0", chuẩn bị đáp ứng yêu cầu về carbon như CBAM của EU và thúc đẩy triển khai cơ chế tín chỉ carbon trong nước.

Thứ ba, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được xác định là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực phát triển nhanh lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất theo tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW. Do đó hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải hướng tới việc đưa các chuẩn mực, quy định về khoa học, công nghệ trong nước tiệm cận với các chuẩn mức, thông lệ quốc tế tiên tiến. Qua đó, nhanh chóng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mở rộng không gian phát triển của đất nước, huy động, tranh thủ được nguồn lực quốc tế và phát huy mạnh mẽ nguồn lực trong nước để phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn, các ngành mới nổi và các lĩnh vực đổi mới sáng tạo.

Thứ tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nội địa, nhằm gia tăng tỷ lệ nội địa hóa, nâng cao giá trị trong chuỗi giá trị toàn cầu, đồng thời đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước. Theo đó, Nhà nước cần hỗ trợ DN nâng cấp công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải thiện năng lực quản trị và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Nhà nước cần phát triển các cụm liên kết ngành và công nghiệp hỗ trợ trong các lĩnh vực chiến lược như điện tử, nông sản chế biến, năng lượng tái tạo, logistics…

Thứ năm, thu hút FDI có chọn lọc và khai thác hiệu quả các FTA thế hệ mới. Việt Nam cần ưu tiên thu hút FDI công nghệ cao, bán dẫn, kinh tế số, năng lượng tái tạo và công nghệ sinh học, đồng thời áp dụng tiêu chí sàng lọc dự án nhằm hạn chế công nghệ lạc hậu và rủi ro môi trường. Việc yêu cầu chuyển giao công nghệ, tăng liên kết sản xuất giữa khối FDI và doanh nghiệp trong nước là cần thiết để tạo lan tỏa tích cực. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực tận dụng ưu đãi từ các FTA bằng cách tăng cường đào tạo doanh nghiệp, phát triển cổng dữ liệu FTA tích hợp, hỗ trợ quy tắc xuất xứ và cơ chế phòng vệ thương mại.

Thứ sáu, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Theo đó, đổi mới tư duy, nhận thức về vấn đề dân số, lao động và việc làm; về giáo dục, đào tạo, văn hóa và chăm sóc sức khỏe người dân; về xây dựng xã hội và quản lý phát triển xã hội, lấy con người làm trung tâm; về tăng trưởng hài hòa và bền vững nền kinh tế trong tình hình mới. Phải xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế; tập trung xây dựng chiến lược, kế hoạch về dân số; xây dựng và phân bổ nguồn nhân lực… Tiếp đó, bên cạnh sự di chuyển nguồn lực theo cơ chế thị trường, Nhà nước cần có chính sách đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp và nguồn nhân lực dịch chuyển vào lĩnh vực công nghệ mới, cần lao động chất lượng cao, như công nghệ số, công nghệ trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, vật liệu mới, năng lượng mới, công nghệ sinh học,… Chính sách này phải là một hệ thống đồng bộ, từ chính sách thuế, tiền thuê đất, tạo hạ tầng kỹ thuật, tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho doanh nghiệp, đến hỗ trợ đào tạo, văn hóa, y tế, bảo hiểm, phúc lợi xã hội và các chính sách hỗ trợ gia đình để giảm áp lực lên người lao động, khuyến khích họ lao động, sáng tạo. Ngoài ra, giáo dục phải tập trung giáo dục khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc, kỹ năng sống, trên cơ sở cung cấp cho học sinh kiến thức cơ bản, là nền tảng cho học sinh bước vào giai đoạn đào tạo nghề, đào tạo đại học và ở bậc cao hơn theo phân luồng, theo chọn lọc, theo nhu cầu của thị trường và theo định hướng đào tạo do Nhà nước dẫn dắt, như đào tạo nhân tài, nhân lực cho lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ mới mà doanh nghiệp vì mục tiêu lợi nhuận không đầu tư.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Chính trị (2025). Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/1/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Hải Yến (2025). Quy mô xuất nhập khẩu Việt Nam thay đổi ra sao sau 30 năm, https://baodautu.vn/quy-mo-xuat-nhap-khau-viet-nam-thay-doi-ra-sao-sau-30-nam-d461485.html.

Cục Thống kê (2026). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2025.

Cục Thống kê (2026). Thông cáo báo chí về tình hình dân số, lao động, việc làm quý IV và năm 2025.

Đỗ Kiều (2025). Công nghiệp hỗ trợ: Hơn 6.000 doanh nghiệp chỉ đáp ứng được 10% nhu cầu linh kiện, https://vnbusiness.vn/cong-nghiep-ho-tro-hon-6000-doanh-nghiep-chi-dap-ung-duoc-10-nhu-cau-linh-kien.html.

Đức Việt (2025). Khu vực FDI đóng góp tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa tại Việt Nam, https://thoibaotaichinhvietnam.vn/khu-vuc-fdi-dong-gop-tich-cuc-vao-su-nghiep-cong-nghiep-hoa-tai-viet-nam-181360.html.

Hoàng Sơn (2025). Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với tất cả các nước thành viên Liên hợp quốc, https://anninhthudo.vn/viet-nam-thiet-lap-quan-he-ngoai-giao-voi-tat-ca-cac-nuoc-thanh-vien-lien-hop-quoc-post624986.antd.

Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO) (2025). Báo cáo Chỉ số ĐMST toàn cầu năm 2025

Tổng cục Thống kê (2015-2025). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm, từ năm 2015 đến năm 2024.

Tuấn Minh (2025). Giảm chi phí logistics: Chìa khóa nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt, http://baokiemtoan.vn/giam-chi-phi-logistics-chia-khoa-nang-cao-nang-luc-canh-tranh-cho-doanh-nghiep-viet-43259.html.

Trang Mai (2025). 'Việt Nam có rất nhiều FTA, nhưng chúng ta chưa thực sự tối ưu hết dư địa', https://doanhnhanvn.vn/viet-nam-co-rat-nhieu-fta-nhung-chung-ta-chua-thuc-su-toi-uu-het-du-dia.html.